

Bản án số: 45/2018/HSST

Ngày: 04-05-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Trần Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Hữu Quang;
2. Ông Mai Trọng Thắng.

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Luyến – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 04/05/2018 tại Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 39/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 04 năm 2018, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2018/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 04 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Ngọc K, tên gọi khác: Đ; Giới tính: Nam; Sinh năm 1996 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: B134/21 H, Phường 18, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện tại: Ấp L, xã P, huyện G, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: Lớp 8/12; Dân tộc: Kinh; Con ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Mỹ V, sinh năm 1973; Có 02 (hai) con (con lớn sinh năm 2015 và con nhỏ sinh năm 2016); Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 29/10/2015, Nguyễn Ngọc K bị Tòa án nhân dân Quận 7 đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 111/2015/QĐ-TA với thời gian cai nghiện bắt buộc là 18 tháng. Ngày 26/02/2017 chấp hành xong có giấy chứng nhận số 158/CN-TT ngày 20/2/2017 của Trung tâm chữa bệnh Đức Hạnh thuộc Sở Lao động - Thương binh và xã hội Thành phố Hồ Chí Minh; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/12/2017, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ T; Địa chỉ trụ sở: Số 78 đường D1, khu dân cư L, phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Lữ Văn T, sinh năm 1974 (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Minh Q, sinh năm 1967; Nơi cư trú: Số 5 đường 14, phường K, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

- Anh Trần Quang V, sinh năm 2001; Nơi cư trú: Số 5 đường 14, phường K, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp của Trần Quang V: Ông Trần Minh Q, sinh năm 1967; Nơi cư trú: Số 5 đường 14, phường K, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1993; Địa chỉ: Khóm A, phường L, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: 29/3D Ấp H, xã C, Huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

- Chị R, sinh năm 2000; Địa chỉ: 85/6 H, huyện G, tỉnh Long An; Nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Long An (Vắng mặt); Người đại diện hợp pháp của chị R: Bà M, sinh năm 1977; Địa chỉ: 20/10 đường 37, phường Q, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc K và R chung sống như vợ chồng từ năm 2015 và có hai con chung.

Nguyễn Ngọc K và R làm cho quán cháo ếch của Lê Thanh T tại Quận 7 được 07 ngày thì mâu thuẫn với T nên nghỉ việc nhưng chưa nhận lương trong những ngày làm việc. Chiều ngày 07/12/2017 Nguyễn Ngọc K và R đón xe buýt từ Long An đến Quận 7 với mục đích tìm Lê Thanh T để đòi tiền đã làm thuê nhưng khi đến quán thì quán đóng cửa. K và R đi bộ ra trạm xe buýt để đón xe về thì gặp Nguyễn Văn H (Là bạn quen biết với K khi đi cai nghiện), H rủ K và R đi uống nước, ăn uống rồi về nhà anh của H ở phường Tân Quy, Quận 7 ngủ. Khoảng 2 giờ ngày 08/12/2017 anh của H về không cho K và R ngủ nên cả hai ra tiệm internet Đông Hy số 196 Lê Văn Lương, phường Tân Hưng, Quận 7 để chơi bắn cá.

Khi đến tiệm internet K và R kéo cửa vào thì nghe tiếng nói chuyện giống tiếng của T, K tính vào đòi tiền nhưng sợ T đánh nên cả hai về lại chỗ của H và rủ H đi đòi nợ giúp, H đồng ý. H điều khiển xe máy chở K và R đến tiệm internet Đông Hy tìm T. Đến nơi, cả ba vào tiệm để kiểm T nhưng không thấy T nên dắt xe ra về nhưng K nghi ngờ T vẫn còn trong tiệm internet, K dặn H và R ra ngoài tiệm ngồi chờ còn K đi vào lại tiệm tìm. K vào nhà vệ sinh tìm nhưng không thấy T thì quay trở ra, khi đến nơi để xe máy của tiệm K thấy xe máy hiệu Yamaha-Exciter, biển số 59C2-75716 không khóa cổ, bảo vệ đang ngủ nên K nảy sinh ý định trộm chiếc xe máy bán lấy tiền tiêu xài. K đẩy xe máy ra ngoài cửa tiệm nhờ H đẩy giúp chiếc xe máy biển số 59C2-75716 về nhà mẹ của R ở phường Tân Quy, Quận 7. Khi H hỏi K là xe của ai, K trả lời là xe của T, T đưa xe cầm làm tin để mai T trả tiền nên H đồng ý và H chở R và dùng chân đẩy xe K. Khi cả ba đến đường số 25A, phường Tân Quy, Quận 7 thì bị Công an phường Tân Quy tuần tra phát hiện chặn lại kiểm tra. H nhìn thấy Công an phường chặn lại sợ bị

giữ xe máy H đang điều khiển, vì xe máy mượn của bạn và H không có giấy tờ xe nên H phóng xe bỏ về nhà. K bị Công an mời về trụ sở làm việc, R đến nhà anh trai H ngồi chờ không thấy K về nên đến trụ sở Công an tìm K. Thấy R đến K khai xe máy là của R, lúc này R mới biết chiếc xe máy là trộm mà không dám khai báo với Công an. Công an cho R về lấy giấy tờ và K lợi dụng sơ hở trốn thoát. Qua truy xét ngày 12/12/2017 Công an phường Tân Hưng kết hợp với đội hình sự, đặc nhiệm hướng nam đã bắt được K và mời H, R đến làm rõ sự việc.

Theo Kết luận giám định số 389/KL-HĐĐGTTHS ngày 28/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân Quận 7, kết luận: “01 xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter biển số 59C2-75716 đã qua sử dụng theo quyết định trưng cầu định giá, tính đến thời điểm bị xâm phạm có giá trị là 30.000.000 đồng.”.

* Vật chứng vụ án:

Thu giữ của Nguyễn Ngọc K gồm:

01 xe gắn máy hiệu Yamaha- Exciter màu đen, dung tích 149cc, biển số 59C2-757.16; số khung: 0610HY544464; số máy: G3D4E569037 do ông Trần Minh Q đứng tên chủ sở hữu. Ngày 15/12/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 7 đã trả lại chiếc xe biển số 59C2-757.16 cho ông Trần Minh Q.

Bản cáo trạng số 41/CT-VKSQ7 ngày 4 tháng 4 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc K về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Ngọc K tại phiên toà hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại cơ quan điều tra và phù hợp với vật chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở khẳng định: Nguyễn Ngọc K đã có hành vi trộm cắp tài sản đối với tài sản thuộc sở hữu của ông Trần Minh Q. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Ngọc K về tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc K từ 1 (Một) năm đến 1 (Một) năm 3 (Ba) tháng tù. Về dân sự: Người bị hại là ông Trần Minh Q đã nhận lại tài sản bị mất không có yêu cầu gì nên đề nghị không xét.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái, rất ăn năn hối cải, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt để bị cáo trở về với con nhỏ, cha mẹ già;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Bị cáo Nguyễn Ngọc K khai đã chung sống như vợ chồng, có quan hệ tình dục, giao cấu với R, sinh ngày 22/9/2000 vào thời điểm cuối năm 2014 và có con chung vào năm 2015, lời khai này phù hợp với lời khai của R. Như vậy ngoài hành vi phạm tội mà cáo trạng truy tố, Hội đồng xét xử thấy bị cáo còn có dấu hiệu phạm tội khác nên kiến nghị cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

[2] Bị cáo Nguyễn Ngọc K đã có hành vi lén lút, bí mật lấy 01 xe gắn máy hiệu Yamaha- Exciter màu đen, dung tích 149cc, biển số 59C2-757.16; số khung: 0610HY544464; số máy: G3D4E569037 của ông Trần Minh Q một cách trái pháp luật. Theo Kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thì trị giá: 01 chiếc xe gắn máy hiệu Yamaha- Exciter màu đen, dung tích 149cc là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Hành vi này của bị cáo Nguyễn Ngọc K đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu; thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản chiếm đoạt đã thu hồi được trả lại cho người bị hại. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Bị cáo có nhân thân chưa phạm tội nhưng đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhưng do tham lam tư lợi, lười nhác lao động đã cố ý thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân, không những gây mất trật tự trị an xã hội cần phải xử lý bị cáo bằng mức án nghiêm mới có đủ tác dụng cải tạo, giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về vật chứng, Cơ quan công an thu giữ: 01 xe gắn máy hiệu Yamaha- Exciter màu đen, dung tích 149cc, biển số 59C2-757.16; số khung: 0610HY544464; số máy: G3D4E569037 là tài sản bị K chiếm đoạt, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 7 đã trả lại cho người bị hại nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản bị trộm cắp, tại phiên tòa vắng mặt và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Đối với R và Nguyễn Văn H, chưa có căn cứ chứng minh cùng Nguyễn Ngọc K thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

[8] Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Bị cáo và ông Trần Minh Q, anh Trần Quang V, Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ T có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc K 01 (Một) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 12/12/2017.

2. Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND TP HCM;
- VKSND Quận 7;
- Công an Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Sở Tư pháp Tp.HCM;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu số án;
- Lưu hồ sơ, Luyến.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Mai Trần Cảnh